

COMPLIANCE ON PRIVATE MEDICAL EXAMINATION AND TREATMENT OF SPECIALIZED CLINICS IN SON LA CITY IN 2023

Hoang Cao Sa^{1*}, Le Hoa Khanh²

¹University of Public Health – 1A Duc Thang, Duc Thang Ward, Hanoi City, Vietnam

²USAC clinic – 305 Nguyen Van Troi, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam

Received: 15/04/2025

Revised: 07/05/2025; Accepted: 09/07/2025

ABSTRACT

Objectives: Describe the compliance of private specialized clinics with a number of legal regulations.

Subject and method: Using a cross- sectional description, research subjects are all of the private specialized clinics in Son La city, total sample size of 75 clinics and manager.

Result: There are 77.3% of facilities that fully comply with the regulations of the law on private medical examination and treatment, 22.7% comply but not fully. Criteria for general conditions of facilities have an achievement rate of 85.3%; The criteria for ensuring medical equipment is 96%, the standard for responsible professionals and practitioners is 94.7%.

Conclusion: Department of Health and Medical Center Further strengthen management measures, paying special attention to inspection, examination and sanctioning of administrative violations of private medical examination and treatment and have effective handling measures.

Keywords: Compliance, legal regulations, private medical examination and treatment, Son La city.

*Corresponding author

Email: hcs@huph.edu.vn **Phone:** (+84) 915656126 **Https://doi.org/10.52163/yhc.v66i4.2914**

TUÂN THỦ MỘT SỐ QUI ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT VỀ KHÁM CHỮA BỆNH TƯ NHÂN CỦA CÁC PHÒNG KHÁM CHUYÊN KHOA TẠI THÀNH PHỐ SƠN LA NĂM 2023

Hoàng Cao Sa^{1*}, Lê Hoà Khánh²

¹Trường Đại học Y tế công cộng – 1A Đức Thắng, P. Đông Ngạc, Tp. Hà Nội, Việt Nam

²Phòng khám USAC – 305 Nguyễn Văn Trỗi, P. Tân Sơn Hòa, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày nhận: 15/04/2025

Ngày sửa: 07/05/2025; Ngày đăng: 09/07/2025

ABSTRACT

Mục tiêu: Mô tả việc tuân thủ một số quy định pháp luật của phòng khám chuyên khoa tư nhân

Đối tượng và phương pháp: Mô tả cắt ngang, đối tượng nghiên cứu là các phòng khám chuyên khoa tư nhân trên địa bàn thành phố Sơn La, tổng cỡ mẫu là 75 phòng khám và người quản lý.

Kết quả: Có 77,3% cơ sở thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về khám, chữa bệnh tư nhân, 22,7% thực hiện nhưng chưa đầy đủ. Tiêu chí về điều kiện chung của cơ sở có tỷ lệ đạt 85,3%; Tiêu chí đảm bảo trang thiết bị y tế là 96%, tiêu chuẩn về trách nhiệm của chuyên gia, người hành nghề là 94,7%.

Kết luận: Sở Y tế và Trung tâm Y tế tăng cường hơn nữa các biện pháp quản lý đặc biệt quan tâm đến công tác thanh tra, kiểm tra và xử phạt vi phạm hành chính về Khám chữa bệnh tư nhân và có biện pháp xử lý hiệu quả

Từ khoá: Tuân thủ, qui định của pháp luật, khám chữa bệnh tư nhân, thành phố Sơn La.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Theo báo cáo của Bộ Y tế, tính đến năm 2019 số cơ sở khám chữa bệnh tư nhân (KBCBTN) tăng đáng kể cả về số lượng cơ sở khám bệnh, chữa bệnh và số giường bệnh (từ 102 bệnh viện với 5.800 giường bệnh năm 2010 lên 231 bệnh viện với khoảng 16.000 giường bệnh và trên 35.000 phòng khám tư nhân), cung cấp 43% tổng số dịch vụ ngoại trú và 2,1% tổng số dịch vụ nội trú [1]. Bên cạnh những ưu điểm và lợi ích của các cơ sở KBCBTN đem lại, vẫn còn tồn tại nhiều vấn đề bất cập. Năm 2021 Bộ Y tế đã thanh tra, kiểm tra là 9.332 cơ sở KBCBTN, phát hiện 2.580 cơ sở vi phạm quy định của pháp luật. Phần lớn các cơ sở bị xử phạt do vi phạm về cơ sở vật chất, trang thiết bị...thậm chí có những cơ sở hành nghề không phép (28 phòng khám đa khoa) [2].

Các quy định, tiêu chuẩn của nhà nước đều đã được nêu rõ trong các văn bản quy định pháp luật, điển hình là Luật khám chữa bệnh năm 2009 và Nghị định số 109/2016/NĐ-CP nhưng vì nhiều lý do mà các cơ sở vẫn chưa nắm được hoàn toàn [3,4]. Dù đáp ứng đầy đủ các quy định khi được cấp Giấy phép hoạt

động, nhưng sau khi đi vào hoạt động còn nhiều cơ sở tồn tại những vi phạm quy định của pháp luật. Năm 2021, Thanh tra Sở Y tế Sơn La tiến hành thanh tra toàn diện trên toàn tỉnh, cho thấy có 36,2% phòng khám chuyên khoa tư nhân (PKCKTN) vi phạm quy định của pháp luật (thành phố Sơn La có 12 cơ sở vi phạm). Các lỗi vi phạm phổ biến là không tuân thủ các quy định về xử lý rác thải, cung cấp dịch vụ vượt quá phạm vi chuyên môn, quảng cáo vượt quá phạm vi cho phép, biển hiệu không đúng quy định, không ghi chép sổ sách thống kê hoạt động KBCB, tại thời điểm thanh tra không có người chịu trách nhiệm chuyên môn (NCTNCM) tại PKCKTN... [5]. Thành phố Sơn La là trung tâm chính trị, văn hóa, kinh tế - xã hội của tỉnh Sơn La, tổng số có 89 cơ sở KBCBTN tại thành phố Sơn La (chiếm 30,6% tổng số cơ sở KBCBTN trong toàn tỉnh) trong đó có 75 cơ sở là phòng khám chuyên khoa (PKCK) [6]. Trước tình hình phức tạp của đại dịch COVID-19, việc tuân thủ các quy định của pháp luật tại các cơ sở KBCBTN nói chung và tại các PKCKTN nói riêng càng trở nên cần thiết. chúng tôi tiến hành nghiên cứu “*Tuân thủ một*

*Tác giả liên hệ

Email: hcs@nhuph.edu.vn Điện thoại: (+84) 915656126 <https://doi.org/10.52163/yhc.v66i4.2914>

số quy định của pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh tư nhân của các phòng khám chuyên khoa tại thành phố Sơn La năm 2023” với mục tiêu: Mô tả tuân thủ một số quy định của pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh tư nhân của các phòng khám chuyên khoa tại thành phố Sơn La năm 2023.

2. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Đối tượng nghiên cứu

- Các cơ sở KBCBTN là các PKCK trên địa bàn Thành phố Sơn La thuộc diện quản lý của Sở Y tế năm 2023.

- NCTNCM của cơ sở KBCBTN là các PKCK trên địa bàn Thành phố Sơn La thuộc diện quản lý của Sở Y tế năm 2023.

- *Tiêu chuẩn lựa chọn*

+ Các cơ sở KBCBTN là các PKCK và NCTNCM trên địa bàn Thành phố Sơn La thuộc diện quản lý theo danh sách của Sở Y tế tính đến năm 2023.

- *Tiêu chuẩn loại trừ*

+ Các cơ sở đăng ký kinh doanh, chuyển đổi hình thức kinh doanh mới trong vòng 1 tháng, NCTNCM mới, có thời gian công tác tại cơ sở KBCBTN dưới 3 tháng tại thời điểm nghiên cứu.

+ Cơ sở đang trong quá trình tạm dừng hoạt động, NCTNCM cho các cơ sở không có mặt tại địa bàn nghiên cứu tại thời điểm nghiên cứu

2.2. Thời gian và địa điểm nghiên cứu

- Thời gian: 10/2022 đến tháng 04/2023

- Địa điểm nghiên cứu: thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La

2.3. Phương pháp nghiên cứu

2.3.1. Thiết kế nghiên cứu: Thiết kế mô tả cắt ngang.

2.3.2. Cỡ mẫu và phương pháp chọn mẫu

Mẫu nghiên cứu định lượng: Thực hiện phương pháp chọn mẫu toàn bộ, chọn toàn bộ 75 cơ sở KBCB tư nhân trên địa bàn thành phố Sơn La.

2.4. Cách thu thập số liệu

- Chọn mẫu phỏng vấn dựa trên danh sách các PKCKTN lấy từ SYT tỉnh, chọn toàn bộ những PKCK đang hoạt động để tiến hành thu thập số liệu nghiên cứu

- Bộ câu hỏi phỏng vấn và bảng kiểm đánh giá được sử dụng để thu thập số liệu cho nghiên cứu, bộ công cụ đã được thử nghiệm trước khi sử dụng để kiểm tra về tính phù hợp của câu hỏi.

- Bộ câu hỏi phỏng vấn người chịu trách nhiệm chuyên môn của phòng khám chuyên khoa gồm các

nhóm thông tin: Thông tin cá nhân người phụ trách, thông tin về hoạt động của cơ sở KBCBTN, hoạt động tuân thủ quy định pháp luật về KBCBTN.

- Bảng kiểm đánh giá tuân thủ quy định pháp luật của PKCK gồm các thông tin: Cơ sở vật chất (Địa điểm, diện tích, các điều kiện về điện nước), trang thiết bị, nhân lực, thực hiện qui chế chuyên môn và các qui định hiện hành khác.

- Tiến hành phỏng vấn trực tiếp cán bộ phụ trách PKCK theo bảng hỏi có sẵn, điều tra viên đồng thời giải đáp các thắc mắc của đối tượng trong quá trình phỏng vấn, nếu có thông tin mà đối tượng phỏng vấn không biết hoặc không nhớ thì xin các giấy tờ liên quan hoặc khai thác thêm từ những cán bộ khác trong phòng khám.

- Tiến hành quan sát bằng mắt thường sau đó điền thông tin về các tiêu chí đánh giá phòng khám thông qua bảng kiểm, đảm bảo đầy đủ các tiêu chí đánh giá số liệu. Nếu tiêu chí trong bảng kiểm không có hoặc không quan sát được thì tiến hành thu thập số liệu thông qua hỏi những cán bộ thuộc phòng khám.

- Tiêu chuẩn đánh giá tuân thủ quy định pháp luật:

Tiêu chuẩn hành nghề khám bệnh, chữa bệnh của phòng khám chuyên khoa được quy định cụ thể trong các luật, nghị định và các thông tư liên quan. Cụ thể, bao gồm: Luật Khám bệnh, chữa bệnh số 40/2009/QH12, Nghị định số 109/2016/NĐ-CP, Nghị định số 155/2018/NĐ-CP và Nghị định số 177/2013/ND-CP. 7 Thông tư quy định, trong đó 5 Thông tư do Bộ Y tế ban hành và 2 Thông tư liên tịch giữa Bộ Y tế và các bộ liên quan. Nghị định 109/2016/NĐ-CP quy định cấp chứng chỉ hành nghề đối với người hành nghề và cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.

2.5. Phương pháp phân tích số liệu

Nhập số liệu bằng Epidata 3.1, sau đó làm sạch và phân tích bằng phần mềm SPSS 20. Số liệu được phân tích và trình bày dưới dạng thống kê mô tả bằng bảng, biểu đồ và bảng thống kê các hoạt động bằng số tuyệt đối, số trung bình, độ lệch chuẩn và tỷ lệ phần trăm theo từng nhóm PKCK

2.6. Vấn đề đạo đức của nghiên cứu

Nghiên cứu đã được được Hội đồng Đạo đức trường Đại học Y tế công cộng thông qua theo quyết định số 125/2023/YTCC-HD3 ngày 23/3/2023 và được sự đồng ý của ban Giám đốc Trung tâm y tế thành phố Sơn La

Đối tượng nghiên cứu tự nguyện tham gia sau khi giải thích mục tiêu, phương pháp và nội dung cũng như lợi ích của nghiên cứu. Kết quả chỉ sử dụng trong nghiên cứu, không sử dụng vào mục đích khác.

3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

3.1. Đặc điểm hoạt động của PKCKTN tại thành phố Sơn La

Trong tổng số 75 cơ sở KCBTN dưới hình thức PKCK, những loại hình phổ biến nhất bao gồm phòng khám nội tổng hợp (28%); Phòng khám chuyên khoa phụ sản (10,7%); Phòng khám chuyên khoa RHM (14,%); Phòng khám chuyên khoa YHCT (12%); Phòng khám chuyên khoa mắt (8%) và các phòng khám chuyên khoa khác như phòng khám Nhi, phòng khám Tai mũi họng, phòng xét nghiệm chiếm 26,6% còn lại.

Gần như tuyệt đối các chủ cơ sở đưa ra được 2 điều kiện là có địa điểm cố định (72/75) và đảm bảo điều kiện phòng cháy chữa cháy (74/75). Tuy nhiên với điều kiện bắt buộc có hợp đồng với cơ sở y tế khác để tiết trùng dụng cụ, chỉ có 25/75 cơ sở nêu ra được.

3.2. Tuân thủ các quy định của nhà nước về KCBTN

Các tiêu chí về tuân thủ các quy định của nhà nước về KCBTN được đánh giá thông qua bảng kiểm cho toàn bộ 75 cơ sở PKCK trên địa bàn tỉnh Sơn La năm 2023 đã cho thấy một số kết quả về các tiêu chí như sau:

3.2.1. Tuân thủ các quy định về cơ sở vật chất

Bảng 1. Quy định chung về tiêu chuẩn cơ sở vật chất

Phòng khám	N	Không đạt		Đạt	
		n	%	n	%
Phòng khám Nội tổng hợp	21	3	14,3	18	85,7
Phòng khám chuyên khoa phụ sản	8	2	25,0	6	75,0
Phòng khám chuyên khoa RHM	11	0	0,0	11	100,0
Phòng khám chuyên khoa YHCT	9	0	0,0	9	100,0
Phòng khám chuyên khoa mắt	6	1	16,7	5	83,3
Phòng khám chuyên khoa khác	20	5	25,0	15	75,0
Tổng số	75	11	14,7	64	85,3

Có 85,3% cơ sở đạt các điều kiện chung về cơ sở vật chất (có địa điểm cố định, tách biệt với sinh hoạt gia đình, bố trí các phòng theo quy định, hành lang thuận tiện, có nơi tiếp đón người bệnh, đảm bảo đủ ánh sáng). Còn khoảng 15% cơ sở chưa đảm bảo các tiêu chí về điều kiện cơ sở vật chất do không tách biệt với sinh hoạt gia đình hoặc chưa bố trí khu vực tiết trùng dụng cụ riêng biệt.

Vẫn còn một số cơ sở như phòng khám chuyên khoa RHM, phòng khám chuyên khoa TMH tận dụng cơ sở vật chất là nhà ở có sẵn để làm cơ sở hoạt động. Mặc dù quy định nơi đón tiếp người bệnh phải riêng biệt tách khỏi khu vực phòng tiếp khách của gia đình, nhưng do các phòng khám thường không biệt lập với nhà ở, trong khi điều kiện diện tích của các hộ gia đình có hạn.

- Tiêu chuẩn về diện tích: Chỉ có 7/75 cơ sở không đạt về mặt diện tích khám chữa bệnh, chiếm 9,3% bao gồm các cơ sở về chuyên khoa Nội và các phòng khám nhi hay da liễu. Trong khi đó có 16,7% cơ sở chuyên khoa mắt có diện tích không đảm bảo theo quy định.

- Tiêu chuẩn về điện, nước, điều kiện phục vụ người bệnh: Đa số các cơ sở đảm bảo các điều kiện cơ bản về điện sinh hoạt, nước uống, nước sinh hoạt, ghế ngồi chờ, có công trình vệ sinh phục vụ người bệnh cao 73/75 cơ sở (97,3%) chỉ có 02 cơ sở dịch vụ (2,7%) không đảm bảo điều kiện này do đang làm thủ tục chuyển địa điểm mới.

3.2.2. Tuân thủ quy định về thiết bị y tế

- Tiêu chuẩn về đảm bảo thiết bị dụng cụ y tế

Có 72/75 cơ sở chiếm 96% đảm bảo các thiết bị dụng cụ y tế theo loại hình hoạt động. Còn 3 phòng khám đang trong quá trình bắt đầu hoạt động chưa đảm bảo về các tiêu chí này.

- Tuân thủ quy định về phác đồ và hộp chống sốc

Tỷ lệ các cơ sở có phác đồ và hộp chống sốc theo quy định là 96% và có 4% các cơ sở không có phác đồ và hộp chống sốc phản vệ.

3.2.3. Tuân thủ quy định về nhân lực

- Tiêu chuẩn về người CTNCM

Tỷ lệ cơ sở đạt tiêu chuẩn về người CTNCM là gần 95% với các trường hợp còn lại là người phụ trách chưa có đủ các giấy tờ cần thiết chiếm 5,3%.

- Tiêu chuẩn về người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh

Tỷ lệ cơ sở đạt tiêu chuẩn về người hành nghề KB, CB cũng là 94,7%, với các tiêu chuẩn là phải có chứng chỉ hành nghề, được phân công công việc phù hợp với hoạt động chuyên môn ghi trong chứng chỉ hành nghề đó. Còn tỷ lệ 5,3% người hành nghề KB, CB tại các cơ sở KCBTN chưa có chứng chỉ hành nghề.

3.2.4. Tuân thủ các quy định, quy chế về chuyên môn

Bảng 2. Tuân thủ phạm vi hành nghề theo các loại hình đăng ký

Phòng khám	N	Không đạt		Đạt	
		n	%	n	%
Phòng khám Nội tổng hợp	21	3	14,3	18	85,7
Phòng khám chuyên khoa phụ sản	8	2	25,0	6	75,0
Phòng khám chuyên khoa RHM	11	3	27,3	8	72,7
Phòng khám chuyên khoa YHCT	9	1	11,1	8	88,9
Phòng khám chuyên khoa mắt	6	0	0,0	6	100,0
Phòng khám chuyên khoa khác	20	4	20,0	16	80,0
Tổng số	75	13	17,3	62	82,7

Có 82,7% số cơ sở hành nghề đúng phạm vi chuyên môn cho phép được ghi trong giấy phép hoạt động, còn 17,3% còn lại đa số đều mắc lỗi hành nghề vượt quá phạm vi chuyên môn cho phép, các cơ sở này thuộc Phòng khám chuyên khoa Nội và RHM.

3.2.5. Tuân thủ các quy định, quy chế khác

- Tuân thủ về niêm yết giá

Chỉ có 61,3% số cơ sở niêm yết giá dịch vụ đúng quy định, có tới 32,0% số cơ sở không thực hiện việc niêm yết, 6,7% số cơ sở niêm yết không đầy đủ hoặc quá phạm vi.

- Tuân thủ về biển hiệu

Gần như tất cả các cơ sở đều có biển hiệu trừ 1 cơ sở chuyên khoa YHCT, trong số này có 86,7% có biển hiệu đúng theo quy định và 12% là không đúng như theo quy định

4. BÀN LUẬN

4.1. Đặc điểm của các cơ sở KBCBTN

Tính đến tháng 12/2021 với tổng số cơ sở Khám chữa bệnh tư nhân (KBCBTN) tại thành phố Sơn La là 89 cơ sở, trong đó có 75 phòng khám chuyên khoa (PKCK) [7]. Các cơ sở KBCBTN đã góp phần tích cực trong công tác khám chữa bệnh cho nhân dân, làm giảm tải cho các đơn vị y tế công lập nhưng cũng còn nhiều thách thức cho các cơ quan chức năng trong việc quản lý và khai thác các cơ sở này một cách hiệu quả để phục vụ người dân.

Về phân loại: Các phòng khám Nội chiếm đa số (28%); Các phòng khám chuyên khoa phụ sản (10,7%); và phòng khám chuyên khoa RHM (14,%) chiếm tỷ lệ nhất định theo nhu cầu của người dân, so sánh với nghiên cứu tại Phú Thọ năm 2017 thì số phòng khám Nội và THCT tại Sơn La nhiều hơn rõ rệt khi Phú Thọ là nơi tập trung vào Phòng khám chuyên khoa Phụ sản có 08 cơ sở chiếm tỷ lệ 26,7%, phòng khám chuyên khoa RHM có 08 cơ sở chiếm tỷ lệ 26,7%, phòng khám chuyên khoa Nội tổng hợp có 05 cơ sở chiếm 16,7% [8].

Điều kiện cơ sở vật chất của các cơ sở KBCBTN trên địa bàn thành phố đang đáp ứng khá tốt nhu cầu khám chữa bệnh của người dân cả về sức chứa cũng như chất lượng: Diện tích trung bình khoảng 200m²/cơ sở. Lực lượng nhân viên y tế có chuyên môn cao với 35 tiến sỹ/Bác sỹ chuyên khoa cấp I và 34 Bác sỹ thì các cơ sở này hoàn toàn có khả năng xử lý những trường hợp KBCB cơ bản của người dân.

4.2. Thực trạng tuân thủ các quy định của nhà nước về KBCBTN

Số các cơ sở đạt các điều kiện chung về cơ sở vật chất chiếm tỷ lệ khá cao với tỷ lệ trên 85% ngoại trừ các tiêu chí về diện tích với 74,7%. Các tỷ lệ cơ sở đạt chuẩn về cơ sở vật chất là 85,3%, tiêu chuẩn về điện nước, vận chuyển người bệnh và PCCC đều đạt mức trên 90%. Điều này phù hợp với tính chất của các cơ sở KBCBTN luôn quan tâm đến bố trí các điều kiện phục vụ người bệnh nhằm thu hút khách hàng. Tuy nhiên dù cho diện tích tại những phòng khám trên địa bàn thành phố là khá lớn theo như kết quả nghiên cứu thì vẫn có một số cơ sở chưa đảm bảo tiêu chí này do tổng diện tích đạt nhưng diện tích cho một số khu vực không đáp ứng theo quy định. Một số tiêu chí chưa đạt khác hay gặp phải là: Tiêu chí yêu cầu buồng thủ thuật, buồng tiêm, buồng xét nghiệm phải lát gạch men sát trần nhà và tiêu chí yêu cầu tường và trần nhà khô không thấm nước. Đặc biệt là việc quy định nơi đón tiếp người bệnh phải riêng biệt tách khỏi khu vực sinh hoạt gia đình. Trên thực tế, các cơ sở sử dụng phòng tiếp khách của gia đình để đón tiếp người bệnh là chưa đúng quy định. Qua ý kiến của đại diện của cán bộ quản lý KBCBTN cũng nên cân nhắc để phù hợp với thực tế từng loại hình hoạt động. So sánh với nghiên cứu năm 2020 tại Phú Thọ, tác giả Hoàng Cẩm Việt đã cho thấy tỷ lệ lên đến 96,7% các cơ sở có đảm bảo về điều kiện về diện tích theo quy định, tuy vẫn ghi nhận những trường hợp chưa phân chia rõ các buồng và phòng khám theo quy định [8].

Các tiêu chí về thiết bị y tế có tỷ lệ cơ sở KBCBTN đạt tiêu chuẩn khá cao (96%), có 93,3% tỷ lệ đạt về vận chuyển cấp cứu trong và ngoài cơ sở. Trong một nghiên cứu khác, tỷ lệ các cơ sở đảm bảo các thiết bị dụng cụ y tế theo loại hình hoạt động tại Yên Bái cũng chiếm tỷ lệ khá cao (93,3%) [9]. Tỷ lệ vi phạm ở tiêu chí phác đồ chống sốc là thấp với 4% và thấp

hơn so với nghiên cứu tại Phú Thọ của Hoàng Cẩm Việt khi tỷ lệ các cơ sở có phác đồ và hộp chống sốc đúng quy định là 66,7%, có tới 6,7% cơ sở không có phác đồ và hộp thuốc cấp cứu sốc phản vệ, 26,7% có phác đồ nhưng để ở vị trí không tiện quan sát như trong tủ thuốc cấp cứu, trong hộp chống sốc hoặc cặp trong sổ khám bệnh. Tuy nhiên việc cấp cứu sốc phản vệ là hết sức quan trọng, tỷ lệ sốc khá thấp nhưng khi đã xảy ra thì tỷ lệ tử vong lại rất cao nếu không được cấp cứu kịp thời và đúng phác đồ [8].

Mỗi một loại hình KCBTN có quy định điều kiện người CTNCM khác nhau. Phải đảm bảo quy định chung là có chứng chỉ hành nghề phù hợp với chuyên khoa cơ sở đó đăng ký, đảm bảo thời gian thực hành theo quy định, việc phân công phải được thể hiện bằng văn bản, là người hành nghề cơ hữu tại cơ sở. Kết quả nghiên cứu chỉ ra tỷ lệ cơ sở đạt tiêu chuẩn về người CTNCM khi hoạt động là rất cao (94,7%). Còn 04 cơ sở chiếm tỷ lệ 5,3% chưa đạt vì người CTNCM chỉ đứng tên đăng ký để người khác hoạt động thực tế không có mặt tại cơ sở. Tỷ lệ vi phạm lỗi này là thấp hơn ở Việt Trì, Phú Thọ là 6,7% theo tác giả Hoàng Cẩm Việt năm 2020 và tại Yên Bái với 9,8% theo tác giả Lê Quang Lộc 2017 [8, 9]. Trong các đợt thanh tra, kiểm tra đều không được phát hiện, lý do có lẽ là do các đợt thanh tra, kiểm tra thường được thông báo trước, hoặc khi kiểm tra ở một cơ sở thì các cơ sở khác đã biết và có sự chuẩn bị. Tương tự với điều kiện quy định về người hành nghề KB, CB là phải có chứng chỉ hành nghề, được phân công công việc phù hợp với hoạt động chuyên môn ghi trong chứng chỉ hành nghề đó cũng đã đạt mức 94,7%. Tỷ lệ này cao hơn so với nghiên cứu của Hoàng Cẩm Việt tại Phú Thọ năm 2017 với tỷ lệ người KB, CB đủ điều kiện là 86,7% , tuy vậy số lượng cơ sở vi phạm tại địa bàn này chỉ là 2 cơ sở và nghiên cứu này chỉ thực hiện tại 30 cơ sở trong tổng số 80 cơ sở trên địa bàn, tỷ lệ vi phạm thực tế có thể cao hơn [8].

Tỷ lệ vi phạm về cơ chế chuyên môn là 17,3%, tương đương với một số nghiên cứu trước tại Phú Thọ (16,7%) và cao hơn so với Yên Bái là 5,2% [10, 11]. Các lỗi vi phạm trong nghiên cứu này chủ yếu nằm ở các cơ sở PKCK RHM và YHCT với các lỗi như hành nghề vượt quá đăng ký chuyên môn và trên địa bàn thành phố Sơn La thì số lượng các phòng khám YHCT là lớn hơn so với hai địa bàn còn lại. Việc có tỷ lệ vi phạm cao nằm ở các phòng khám RHM cho thấy các lỗi chủ yếu nằm ở việc các phòng khám này thực hiện các thủ thuật vượt quá như làm răng thẩm mỹ, nhổ răng số 8 chứ không phải là khám chữa bệnh răng miệng thông thường. Nghiên cứu tại Việt Trì năm 2020, tác giả Hoàng Cẩm Việt cũng đã cho thấy các phòng khám RHM có tỷ lệ vi phạm lỗi này cao nhất với 37,5% các cơ sở có vi phạm [8]. Việc các cơ sở chỉ quan tâm đến việc khám phát hiện bệnh và điều trị khỏi bệnh khi đến khám mà chưa quan tâm đến các ảnh hưởng sau khám chữa bệnh tại cơ sở đến người bệnh cần được chấn chỉnh và xử lý.

Chỉ có 61,3% số cơ sở niêm yết giá dịch vụ đúng quy định, có tới 32,0% số cơ sở không thực hiện việc niêm yết, 6,7% số cơ sở niêm yết không đầy đủ hoặc quá phạm vi. Thực tế dịch vụ y tế là một loại dịch vụ đặc biệt, bệnh tật liên quan trực tiếp đến tính mạng con người, do vậy tâm lý người sử dụng dịch vụ thường chấp nhận giá cả do thầy thuốc yêu cầu. Việc niêm yết giá vừa đảm bảo tính công khai minh bạch, tạo điều kiện cho công tác quản lý, tránh được tình trạng tùy tiện nâng giá vừa đảm bảo yên tâm về tâm lý cho người bệnh [8]. Theo Hoàng Cẩm Việt thì chỉ có 46,7% số cơ sở niêm yết giá dịch vụ đúng quy định, có tới 30,0% số cơ sở không thực hiện việc niêm yết, 3,3% số cơ sở niêm yết không đầy đủ hoặc quá phạm vi, 20% số cơ sở niêm yết giá dịch vụ đúng phạm vi nhưng tại các vị trí không tiện quan sát [8].

Gần 100% các cơ sở có biển hiệu, trong số này có 86,7% có biển hiệu đúng theo quy định và 12% là không đúng như theo quy định nhưng chỉ có 30,0% cơ sở có biển hiệu đúng quy định. Tỷ lệ không đúng theo quy định thấp hơn so với nghiên cứu tại Phú Thọ (70%) [8]. Đối với việc quảng cáo, có thể thấy tỷ lệ cơ sở có quảng cáo chiếm tỷ lệ rất cao. Chỉ có 10 cơ sở KCBTN không quảng cáo chiếm tỷ lệ 13,3%. Trong số các cơ sở có hoạt động quảng cáo, còn 6,7% cơ sở quảng cáo không đúng quy định. Tuy nhiên thì thực tế qua ý kiến của các nhà quản lý, công tác kiểm tra mới chỉ tập trung và chuyên môn, chưa chú trọng tới việc kiểm tra về biển hiệu và quảng cáo vì còn coi đây là nhiệm vụ của cơ quan văn hóa [8].

Theo tính điểm của nghiên cứu thì 77,3% các cơ sở được xác định là đã tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật trong KCBTN, 22,7% là đã có tuân thủ nhưng chưa đầy đủ. So sánh với tỷ lệ các cơ sở HNYTTN đạt các tiêu chuẩn quy định về HNYTTN tại Yên Bái năm 2017 thì tỷ lệ của nghiên cứu này là khá thấp (trên 90%), tuy nhiên do khác biệt về nội dung và khuôn khổ nghiên cứu mà số liệu có thể khó so sánh hơn [9].

5. KẾT LUẬN

Thực trạng tuân thủ một số quy định của pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh tư nhân của các phòng khám chuyên khoa tại thành phố Sơn La năm 2023:

Có 77,3% các cơ sở được xác định là đã tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật trong KCBTN, 22,7% là đã có tuân thủ nhưng chưa đầy đủ.

Các tiêu chí được các cơ sở thực hiện tốt như các điều kiện chung về cơ sở vật chất có 85,3% đạt; các cơ sở đảm bảo điều kiện tiêu chuẩn về diện tích là 90,7%; Tỷ lệ các cơ sở đảm bảo các điều kiện cơ bản phục vụ sinh hoạt của người bệnh là 97,3%; Tỷ lệ các cơ sở đảm bảo tiêu chuẩn quy định về phòng cháy, chữa cháy 90,7%; Tỷ lệ cơ sở đảm bảo về thiết bị y tế

(96%), vận chuyển cấp cứu (93,3%) đạt mức cao và tỷ lệ cơ sở đạt tiêu chuẩn về người chịu trách nhiệm chuyên môn và người hành nghề là ở mức 94,7%

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Bộ Y tế (2019), Báo cáo “Tổng kết công tác Y tế năm 2019 và nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu năm 2020” [Internet]. [cited 2023 Dec 2]. Available from: <https://moh.gov.vn/documents/176127/0/25-02->
- [2] Thanh tra Bộ Y tế (2021), Báo cáo công tác thanh tra khám bệnh, chữa bệnh năm 2021.
- [3] Quốc hội (2009). Luật khám bệnh, chữa bệnh số 40/2009/QH12.
- [4] Chính phủ (2016). Nghị định 109/2016/NĐ-CP, Cấp chứng chỉ hành nghề người hành nghề cấp giấy phép hoạt động.
- [5] Sở Y tế tỉnh Sơn La, Báo cáo kết quả công tác thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng chống tham nhũng năm 2021.
- [6] Cổng thông tin điện tử thành phố Sơn La. Điều kiện tự nhiên-Tài nguyên thiên nhiên- Địa giới hành chính của thành phố Sơn La [Internet]. [cited 2022 Dec 16]. Available from: <https://thanhpho.sonla.gov.vn>
- [7] Sở Y tế tỉnh Sơn La, Báo cáo công tác thanh tra năm 2020.
- [8] Hoàng Cẩm Việt (2020). Thực trạng tuân thủ các quy định về hành nghề y tư nhân của các phòng khám chuyên khoa trên địa bàn thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ năm 2020.
- [9] Lê Văn Lộc (2017). Đánh giá việc tuân thủ một số quy định về hành nghề y tư nhân trên địa bàn thành phố Yên Bái, năm 2017.
- [10] Trần Thị Mai Oanh (2013). Thực trạng hoạt động của y tế tư nhân trong cung ứng dịch vụ khám chữa bệnh ban đầu ở hai tỉnh Hải Dương và Bình Định, 2013.
- [11] Trần Linh Huân (2022), Hoàn thiện quy định của pháp luật về chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh, Khoa Luật Thương mại, Trường Trường Đại học Luật TP. HCM.